| | |
|---|---|
| UBND THÀNH PHỐ CAO BẰNG<br>**BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 226 /BC-BCĐ | *Thành phố Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022* |

# BÁO CÁO
## Kết quả "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2022

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Kế hoạch số 727/KH-BCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ban chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Cao Bằng về việc triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" tỉnh Cao Bằng năm 2022. Ban Chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) thành phố Cao Bằng báo cáo kết quả "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2022, cụ thể như sau:

**I. Quản lý, chỉ đạo**

Ban Chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cao Bằng đã Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" trên địa bàn thành phố như sau:

- Kế hoạch số 09/KH-BCĐ ngày 11/01/2022 của Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm, về việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2022.

- Kế hoạch số 94/KH-BCĐ ngày 21/3/2022 của Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cao Bằng, về việc triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2022.

- Kế hoạch số 106/KH-BCĐ ngày 08/4/2022 của Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cao Bằng, về việc tổ chức kiểm tra liên ngành về sinh an toàn thực phẩm trong "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2022.

- Quyết định số 980/QĐ-BCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022.

- Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022, Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cao Bằng.

- Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022, Quyết định Ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cao Bằng.

**Kết quả thực hiện như sau:**

| TT | Nội dung hoạt động | Tuyến xã (1) | | Tuyến huyện (2) | | Tuyến tỉnh (3) | | Cộng (1+2+3) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *Số xã thực hiện/Tổng số xã* | *Số lượng* | *Số huyện thực hiện/Tổng số huyện* | *Số lượng* | *Số lượng* | *Ghi chú* | |
| 1 | Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai THĐ (văn bản) | 11/11 | 11 | 1/1 | 1 | | | |
| 2 | Tổ chức Lễ phát động/Hội nghị triển khai | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 3 | Tổ chức Hội nghị tổng kết THĐ | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |

**II. Thông tin, truyền thông**

| TT | Nội dung hoạt động | Tuyến xã (1) | | Tuyến huyện (2) | | Tuyến tỉnh (3) | | Cộng (1+2+3) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *Số xã thực hiện/Tổng số xã* | *Số lượng* | *Số huyện thực hiện/Tổng số huyện* | *Số lượng* | *Số lượng* | *Ghi chú* | |
| 1 | Nói chuyện/Hội thảo (buổi/tổng số người dự) | | 18 | | 02 | | | |
| 2 | Tập huấn (Lớp/tổng số người dự) | | 0 | | 0 | | | |
| 3 | Phát thanh loa, đài (tin,bài,phóng sự) | | 10 | | 16 | | | |
| 4 | Truyền hình (Buổi/tọa đàm,phóng sự) | | 0 | | 0 | | | |
| 5 | Báo viết (tin/bài/phóng sự) | | 0 | | 0 | | | |
| 6 | Băng rôn, khẩu hiệu | | 11 | | 02 | | | |
| 7 | Tranh áp – phích/Posters | | 0 | | 0 | | | |
| 8 | Tờ gấp, tờ rơi | | 0 | | 0 | | | |
| 9 | Hoạt động khác *(ghi rõ):……..* | | 0 | | 0 | | | |

## III. Thanh tra, kiểm tra

1. Số lượng: **13** đoàn
2. Số cơ sở được kiểm tra: **220** cơ sở *(02 đoàn liên ngành Thành phố kiểm tra được: 94 cơ sở; 11 xã, phường kiểm tra được: 126 cơ sở)*.
3. Kết quả chi tiết:

| TT | Nội dung | Tuyến xã | | | | | Tuyến Thành phố | | | | | Tuyến Tỉnh | | | | | Cộng (1+2+3) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sản xuất TP | KD TP | KD DV ĂU | KD TĂĐP | **Cộng** | Sản xuất, KD TP NN | Sản xuất,KDTP CT | KD DVĂU | KD TĂĐP | **Cộng** | Sản xuất TP | KD TP | KD DV ĂU | KD TĂĐP | **Cộng** | |
| 1 | **Tổng số cơ sở** | **48** | **62** | **435** | **242** | **787** | **475** | **3150** | **738** | **401** | **1.139** | | | | | | |
| 2 | Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra | 7 | 16 | 74 | 29 | 126 | 15 | 30 | 42 | 7 | 94 | | | | | | |
| | Số CS đạt (SL) | 7 | 16 | 74 | 29 | 126 | 15 | 29 | 37 | 7 | 88 | | | | | | |
| | Số CS vi phạm (SL) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 5 | 0 | 6 | | | | | | |
| 3 | Xử lý vi phạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 5 | 0 | 6 | | | | | | |
| 3.1 | Phạt tiền: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Số cơ sở | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 5 | 0 | 6 | | | | | | |
| | Tiền phạt (đồng) | | | | | | | 5.500.000 | 10.000.000. | 0 | 15.500.000 | | | | | | |
| 3.2 | Xử phạt bổ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | sung | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a | Tước quyền xử dụng GCN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |
| | + Giấy CN CS đủ điều kiện ATTP | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | + Giấy chứng nhận GMP | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | + Giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố SP | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | + Giấy XNQC | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b | Đình chỉ hoạt động | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |
| c | Tịch thu tang vật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |
| 3.3 | Khắc phục hậu quả (*loại, trọng lượng*): | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |
| | Buộc thu hồi | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Buộc tiêu hủy | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khác (ghi rõ) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Xử lý khác (nhắc nhở) | 0 | 0 | 6 | 8 | 14 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |
| 4.1 | Đình chỉ lưu hành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |
| 4.2 | Chuyển cơ quan điều tra | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | | | | |

## IV. Kiểm nghiệm thực phẩm

| TT | Nội dung | Tuyến xã (1) | Tuyến Thành phố (2) | Tuyến tỉnh (3) | Cộng (1+2+3) |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Xét nghiệm tại labo (*Tổng số mẫu*)** | | 0 | | |
| 1.1 | Hóa lý (*Tổng số mẫu*) | | | | |
| | Số mẫu đạt | | 40/50 (80%) | | |
| | Số mẫu không đạt | | 10/50 (20%) | | |
| 1.2 | Vi sinh (*Tổng số mẫu*) | | 0 | | |
| | Số mẫu đạt | | | | |
| | Số mẫu không đạt | | | | |
| **2** | **Xét nghiệm nhanh (Tổng số mẫu)** | | 50 | | |
| 2.1 | Hóa lý (*Tổng số mẫu*) | 18 | 50 | | |
| | Số mẫu đạt | 18 (100%) | 40/50 (80%) | | |
| | Số mẫu không đạt | | 10/50 (20%) | | |
| 2.2 | Vi sinh (*Tổng số mẫu*) | | 0 | | |
| | Số mẫu đạt | | | | |
| | Số mẫu không đạt | | | | |
| **Tổng (1+2)** | | | **40/50 (80%)** | | |

## V. Ngộ độc thực phẩm

| TT | Nội dung | Kết quả | | So sánh năm nay/năm trước |
|---|---|---|---|---|
| | | năm nay | năm trước | |
| 1 | Số vụ | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Số mắc (người) | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Số tử vong (người) | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Số vụ ≥ 30 người mắc (vụ) | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Nguyên nhân (vụ) | 0 | 0 | 0 |
| | - Vi sinh | 0 | 0 | 0 |
| | - Hóa học | 0 | 0 | 0 |
| | - Độc tố tự nhiên | 0 | 0 | 0 |
| | - Không xác định | 0 | 0 | 0 |
| Cộng | | 0 | 0 | 0 |

**V. Các hoạt động khác** (nếu có ghi cụ thể)**: Không có**

**VI. Đánh giá chung**

Hiện nay, tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn đã được kiểm soát, khống chế dịch, UBND thành phố đã cho phép các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố hoạt động trở lại nhằm phát triển kinh tế, vừa đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố.

Qua đợt kiểm tra đa số các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, tiêu dùng rượu, thực phẩm rau, thịt, thủy sản và sản phẩm chế biến từ rau, thịt, thủy sản tươi sống, dịch vụ ăn uống đều chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật tuy nhiên công tác khám sức khỏe định kỳ ở một số cơ sở chưa chấp hành tốt, chưa thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 đoàn kiểm tra đã nhắc nhở, xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền nhằm răn đe các chủ cơ sở để thực hiện, chấp hành cho đúng các quy định về Luật An toàn thực phẩm.

Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP Thành phố đã kiểm tra phát hiện **06** cơ sở vi phạm hành chính về lĩnh vực ATTP, trong đó: **01** cơ sở không xuất trình được giấy tờ thủ tục hành chính vệ sinh an toàn thực *phẩm (kinh doanh dịch vụ ăn uống chưa có giấy chứng nhận đăng ký thành lập hộ kinh doanh);* **03** cơ sở không có đủ dụng cụ chế biến, bảo quản và sử dụng riêng đối với thực phẩm tươi sống, thực phẩm đã qua chế biến *(cơ sở để thức ăn chín lẫn thức ăn sống trong tủ đông lạnh;* **01** cơ sở nơi chế biến, kinh doanh, bảo quản có côn trùng, động vật gây hại xâm nhập (có côn trùng gián) ở tủ đựng cốc, chén pha chế); **01** cơ sở không đội mũ chụp tóc, không dùng găng tay khi chế biến thực phẩm.

Phòng Y tế thành phố - cơ quan thường trực Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP thành phố, quản lý Nhà nước về lĩnh vực ATTP đã tổng hợp các trường hợp vi phạm hành chính tiến hành lập biên bản xử lý vi phạm hành chính và tham mưu cho Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định xử phạt các cơ sở vi phạm với tổng số tiền nộp phạt là 15.500.000 đồng *(mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).*

Các mẫu tets nhanh xét nghiệm độ sạch của bát, đĩa tets được 50 mẫu, nói chung các cơ sở thực hiện việc rửa bát, đĩa tương đối sạch.

Trong tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022 không có ca hay vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn Thành phố.

Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố đã xây dựng Kế hoạch, lịch và tổ chức đoàn kiểm tra các cơ sở giết mổ gia súc trên địa bàn phường Đề Thám và xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, cụ thể như sau:

- Tại phường Đề Thám, đoàn đã kiểm tra 03 cơ sở giết mổ gia súc, kết quả có 02 cơ sở có điều kiện trang thiết bị cơ bản đáp ứng theo quy định; 01 cơ sở điều kiện trang thiết bị, nơi giết mổ gia súc không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y và không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải mà xả trực tiếp ra môi trường.

- Tại xã Hưng Đạo, đoàn kiểm tra 07 cơ sở cơ sở giết mổ gia súc (trong đó có 02 cơ sở được Dự án LIFSAP Cao Bằng hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ). Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đánh giá 01 cơ sở thực hiện tốt các quy định của Nhà nước (hộ Nguyễn Thị Ngọc Lan, xóm 1, Hồng Quang).

* Đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP do đồng chí Phó giám đốc Sở Công Thương tỉnh làm trưởng đoàn đã đến kiểm tra 02 cơ sở (01 cở kinh doanh Hải sản đông lạnh Huệ Sơn, địa chỉ tại km5 phường Đề Thám và 01 cơ sở sản xuất miến Hoa Ly Ly địa chỉ tổ dân phố 02 phường Ngọc Xuân). Qua kiểm tra, nhìn chung các cơ sở đều thực hiện công tác vệ sinh ATTP tương đối tốt, có cơ sở sản xuất miến giấy tờ thủ tục hành chính vừa hết hạn, đã lập biên bản nhắc nhở và giao hạn trong vòng một tháng tính từ ngày kiểm tra cơ sở phải khắc phục, hoàn thiện ngay những mặt còn tồn tại và đoàn kiểm tra liên ngành thành phố có trách nhiệm tổ chức đoàn hậu kiểm kiểm tra lại theo thời gian mà cơ sở đã cam kết thực hiện, nếu cơ sở không thực hiện đúng thời hạn đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP thành phố sẽ tiến hành lập biên bản xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

**1. Thuận lợi:**

Được sự quan tâm, tạo điều kiện, chỉ đạo sát sao của cấp Ủy đảng, Chính quyền địa phương, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh, các sở ngành của tỉnh, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, phòng ban, đoàn thể, UBND các xã, phường do vậy công tác vệ sinh an toàn thực phẩm của thành phố ngày càng được nâng cao.

**2. Khó khăn:**

- Điều kiện cở sở, vật chất, nhân lực đoàn kiểm tra chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, các điều kiện, phương tiện kiểm định, xét nghiệm thực phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm để phát hiện và sử lý theo pháp luật còn hạn chế. Lực lượng cán bộ tham gia đoàn kiểm tra mỏng, do cán bộ kiêm nghiệm nhiều việc nên ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chưa có kinh phí hỗ trợ xăng xe cho đoàn kiểm tra liên ngành cấp thành phố và các xã, phường trong khi địa bàn thành phố rộng, có rất nhiều cơ sở kinh doanh thực phẩm phải thường xuyên đi kiểm tra do vậy ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao.

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống mặc dù đã được kiểm tra nhắc nhở nhiều lần nhưng vì chạy theo lợi nhuận trước mắt nên ý thức chấp hành về VSATTP của một số cơ sở kinh doanh chưa được thường xuyên, mà chỉ mang tính chất đối phó khi có đợt kiểm tra.

- Nhiều Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn đã tạm dừng hoạt động một thời gian dài do dịch COVID-19 vừa hoạt động trở lại, tại thời điểm giám sát giấy khám sức khỏe định kỳ đã hết hạn, bát rửa chưa sạch, nơi chế biến còn bụi bẩn. Khâu vệ sinh khu vực sơ chế, chế biến chưa được sạch sẽ còn bừa bộn chưa ngăn nắp, không có mũ chụp tóc.

## VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện bố trí nguồn kinh phí thường xuyên cấp hàng năm cho các đơn vị thường trực Ban chỉ đạo VSATTP, để các đoàn kiểm tra liên ngành VSATTP cấp thành phố, xã, phường chủ động thực hiện công tác kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm hành chính về lĩnh vực ATTP.

2. Đề nghị Ban chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Cao Bằng chỉ đạo các Sở, ngành của tỉnh, các đơn vị liên quan tăng cường các biện pháp tuyên truyền, mở các lớp tập huấn kiến thức về VSATTP cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, giải khát.

Trên đây là báo cáo kết quả "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2022 của Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cao Bằng./.

***Nơi nhận:***
- Sở Y tế Cao Bằng;
- Sở Nông nghiệp & PTNT Cao Bằng;
- Sở Công thương Cao Bằng;
- Chi cục ATVSTP Tỉnh;
- Cục quản lý thị trường tỉnh;
- Thành ủy Cao Bằng; TT HĐND Thành phố
- Chủ tịch các PCT UBND Thành phố;
- UB MTTQ Thành phố;
- Các đơn vị phòng ban Thành phố;
- UBND xã, phường;
- Cổng TTĐT Thành phố;
- Lưu: VT, PYT.

**KT. TRƯỞNG BAN**
**PHÓ TRƯỞNG BAN TT**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ**
**Vũ Văn Đệ**